

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuấn Trung

2. Bà Dương Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS, ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST – HS ngày 06 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo: **Trần Lê D**, tên gọi khác: Trần Văn D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh T1; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Lê T2, sinh năm 1952 và con bà Lê Thị N, sinh năm 1957; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2004 phạm tội “Cướp tài sản”, bị TAND tỉnh Nghệ An xử phạt 09 năm tù, theo khoản 2 Điều 133 BLHS bản án số 125/2006 ngày 27/4/2006; chấp hành xong bản án ngày 05/6/2012, đương nhiên được xóa án tích. Năm 2015 Công an xã X, huyện T, tỉnh T1 xử phạt hành chính 1.000.000 về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Ông Hoàng Ngọc C – Sinh năm 1967

Trú quán: Xóm Đ, xã P1, huyện P, tỉnh T2 (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Trịnh Văn H – Sinh năm 1986, địa chỉ: xóm L, xã P1, huyện P, tỉnh T2.(Vắng mặt)

2. Anh Trịnh Anh D1 – Sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm G, xã P1, huyện P, tỉnh T2. (Có mặt)

3. Anh Hoàng Minh Tâm – Sinh năm 1982, địa chỉ: Xóm M, xã P, huyện P1, tỉnh T2.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/11/2017, Trần Lê D đi đến cổng nhà ông Hoàng Ngọc C ở xóm Đ, xã P, huyện P1; thấy nhà ông C đóng cửa, tắt điện, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà ông C. D trèo qua bờ tường gạch vào bên trong sân nhà, đi bộ đến phía sau, trèo qua bức tường ngăn cách giữa bếp và nhà vệ sinh vào bên trong nhà. D vào phòng khách thấy ông C đang ngủ say trên giường, D lấy chiếc điện thoại để trên bàn uống nước cho vào túi quần, rút dây điện, ăng ten và ôm chiếc ti vi nhãn hiệu LG 32 inch ra mở cửa ngách đi ra cổng, để chiếc ti vi lên bờ tường rào rồi trèo ra ngoài đường đi bộ đến khu vực ngã 3 đường rẽ Tức Tranh (Thuộc địa phận xóm Phố Giá 2, xã Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên) thì gặp anh Trịnh Anh D1 và anh Trịnh Văn H. D thuê anh H chạy xe ôm chở D cùng chiếc ti vi đến nhà anh Hoàng Minh T3, gạ bán ti vi cho anh T3 nhưng anh T3 không mua. D lại bảo anh H chở quay lại ngã 3 phố Giá, Phấn Mễ, Phú Lương. Do nghi ngờ D trộm cắp tài sản nên anh Trịnh Anh D1 đã báo cho Công an xã Phấn Mễ đến kiểm tra bắt giữ D, cùng tang vật chuyển CQĐT Công an huyện Phú Lương giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 09/QĐ-VKS, ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt: Trần Lê D 15 đến 18 tháng tù giam.

Đề nghị xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo 01 CMND số 1723711796 mang tên Trần Lê D và 01 hộ chiếu số 01432200 mang tên Trần Lê D.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại cũng không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được về đoàn tụ cùng gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và người làm chứng... Do vậy, đã đủ cơ sở để xác định: Với mục đích vụ lợi, khoảng 21 giờ ngày 01/11/2017, lợi dụng sự sơ hở của ông Hoàng Ngọc C, Trần Lê D đã trèo tường đột nhập vào nhà ông C trộm cắp 01 chiếc tivi 32 inch, 01 điện thoại di động Nokia 1100i có tổng trị giá tài sản là 4.100.000 đồng, đang tìm nơi tiêu thụ thì bị bắt.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Nội dung của Điều 138 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị TAND tỉnh Nghệ An xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản và Công an xã X, huyện T, tỉnh T1 xử phạt hành chính 1.000.000 về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tại phiên toà hôm nay bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và người phạm tội thành khẩn khai báo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần cần phải có mức án phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Vật chứng của vụ án: Cần trả lại cho bị cáo 01 CMND số 1723711796 mang tên Trần Lê D và 01 hộ chiếu số 01432200 mang tên Trần Lê D.

[8] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án còn có Trịnh Văn H có hành vi dùng xe mô tô chở D cùng tang vật đi tìm nơi tiêu thụ, nhưng anh H không biết chiếc ti vi là do D phạm tội mà có nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH 14 về việc thi hành BLHS 2015; khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 BLHS 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 329, BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt: Xử phạt Trần Lê D **18** (Mười tám) tháng tù giam.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (02/11/2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo cáo 01 CMND số 1723711796 mang tên Trần Lê D và 01 hộ chiếu số 01432200 mang tên Trần Lê D.

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án huyện Phú Lương ngày 21/3/2018).

3. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Phú Lương;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo;
- Lưu Hs, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Hồng Nam

